

Bản án số: 72A/2025/DS-PT
Ngày 05/9/2025
*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà và bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2025/TLPT-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 11/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Hưng Yên) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2025/QĐXXPT-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thy N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn V, xã B, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - bà Phạm Thị S trình bày yêu cầu khởi kiện:*

Bà và bà Trịnh Thị T là hàng xóm gần nhà nhau, có mối quan hệ thân quen, bà T có hỏi vay 50.000.000 đồng, hẹn hai tháng sau sẽ trả. Do bà sẵn có tiền để chuẩn bị trả nợ ngân hàng nhưng chưa đến hạn phải trả, bà đã cho bà T vay của 50.000.000 đồng, vì thời gian cho vay ngắn nên bà không tính lãi. Tiền cho bà T vay là của riêng bà, bà không muốn cho ông T1 - chồng bà biết nên đã dặn bà T là không để ông T1 biết. Vào buổi trưa ngày 09/11/2017 âm lịch, bà T sang nhà bà; lúc đó ông T1 đang ngủ, chỉ có bà và bà T ngồi tại phòng khách; bà giao cho bà T 50.000.000 đồng; bà tự tay viết vào Sổ ghi chép của mình nội dung ghi “*Hôm nay ngày 9/11/017 (âm lịch) Cô Tưoi Thôn N xã T vay của anh Thế S1 Nha Xuyên T số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) Đến 60 ngày là trả. Người vay ký*” rồi đưa cho bà T ký, bà T đã ký “*(Tưoi)*” và ghi rõ họ tên “*Trịnh Thị T*”, lúc đó bà T hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn. Sau hai tháng, thấy bà T không trả tiền thì bà có nhắc nhưng bà T chỉ cười và “*Vâng*”. Vì bà không muốn chồng bà biết việc bà cho bà T vay tiền nên bà không to tiếng đòi tiền bà T. Chỉ gần đây, vào gần Tết nguyên đán 2025, bà gặp bà T đòi tiền thì bà T lại bảo là bà lừa đảo bà T, bà cho bà N vay, nhưng lại lừa bà T ký vào giấy trắng; bà T còn chửi bới, xúc phạm và tuyên bố không trả tiền nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà T phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng. Lời khai của bà T và bà N là không đúng sự thật vì bà không cho bà N vay tiền vì bà không quen biết bà N, sau này bà mới biết bà N vì gặp bà N mua gạo ở cửa hàng gần nhà bà, bà biết bà N là bạn bà T. Khi bà T bảo không trả tiền bà thì bà có đến nhà bà N kể với bà N việc bà T vay tiền, ký vào sổ của bà rồi mà còn chối cãi, đổ cho bà N thì bà N có nói với bà là bà T ký thì bà T phải trả, nay bà N “*vỡ nợ*” đi khỏi địa phương, bà T lại “*đổ thừa*” cho bà N nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ; dù bà N có nhận trả nợ cho bà thì bà cũng không chấp nhận vì bà không cho bà N vay. Tiền cho bà T vay không liên quan gì đến ông T1 nhưng do quen tay nên bà viết là “*của anh Thế S1*”.

**** Bị đơn là bà Trịnh Thị T trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:***

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S1, vì bà không vay tiền của bà S1 mà người vay tiền của bà S1 là bà N - bạn của bà. Sự việc cụ thể như sau:

Thời điểm đó, bà S1 có tiền cho vay lấy lãi, bà S1 có nói với bà là biết ai cần vay tiền thì giới thiệu cho bà S1. Sau đó, bà đã giới thiệu cho cho bà N và bà S1 quen nhau, bà cho bà S1 số điện thoại của bà N để hai bên liên lạc, thống nhất với nhau về việc vay tiền. Do bà S1 cho vay giấu chồng nên trưa ngày 09/11/2017 âm lịch; bà S1 và bà N đến nhà bà, hai người ngồi ở phòng khách; bà chứng kiến bà S1 đưa cho bà N 50.000.000 đồng và thỏa thuận hàng tháng bà N phải trả cho bà S1 4.500.000 đồng/tháng tiền lãi, bà S1 dặn bà là không cho chồng bà S1 biết. Sau khi bà S1 giao tiền cho bà N, bà S1 đưa sổ cho bà bảo bà ký làm chứng, bà thấy sổ của bà S1 không ghi nội dung gì, bà chần chừ không ký thì bà S1 bảo cứ ký làm chứng, còn nội dung thì bà S1 sẽ viết sau; bà quá tin tưởng bà S1 nên đã ký và ghi rõ họ và tên “*Tươi, Trịnh Thị T*”. Sau đó, bà có nghe bà N kể là hàng tháng bà N trả lãi cho bà S1 4.500.000 đồng, có thời gian, bà N không trả lãi cho bà S1, bà S1 đã lên nhà bà N đòi tiền và còn nhờ bà đòi hộ. Năm 2019, bà N nói với bà là bà N mang 300.000.000 đồng trả cho bà S1 trong đó có cả số tiền 50.000.000 đồng mà bà làm chứng, do vậy bà có đến nhà bà S1 yêu cầu xé tờ giấy mà bà đã ký đi, nhưng bà S1 nói với bà là “*chỗ chị em, lúc nào xé cũng được*”, vì vậy bà cứ nghĩ là bà N đã thanh toán xong và bà S1 đã xé giấy nhưng không ngờ bà S1 lại tự viết nội dung cho bà vay tiền và đem ra kiện đòi tiền bà. Bà biết bà S1 đã ngăn cản bà N đến Tòa án nhưng bà đã yêu cầu bà N đến Tòa án khai rõ sự thật, bà N đã đến Tòa án và đã thừa nhận là bà N vay tiền của bà S1 chứ không phải bà vay tiền của bà S1.

**** Lời khai của người làm chứng bà Phạm Thy N:*** Số tiền 50.000.000 đồng là bà vay của bà S1 vào tháng 11/2017 âm lịch, không phải bà T vay. Bà T là người giới thiệu và phải dưng ra bảo đảm thì bà S1 mới tin tưởng cho bà vay.

Bà T nhận 50.000.000 đồng từ bà S1 rồi đưa cho bà N, chứ bà N không nhận trực tiếp từ bà S1. Sau đó, bà T chỉ đưa cho bà 38.000.000 đồng vì bà N đã trừ đi 12.000.000 đồng bà nợ bà T trước đó. Bà không chứng kiến việc bà S1 đưa tiền cho bà T. Bà là người trực tiếp trả tiền lãi hàng tháng cho bà S1, mỗi tháng là 4.500.000 đồng, không có chứng cứ gì chứng minh trả lãi do trả bằng tiền mặt, không ghi sổ, không ký nhận. Tiền lãi bà N trả đến khoảng tháng 8/2019. Tháng 6/2024, bà có nhận sẽ trả khoản nợ này cho bà S1 và bà S1 đã chuyển 50.000.000 đồng này vào khoản vay mới giữa bà và bà S1 và không liên quan gì đến bà T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST, ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Hưng Yên) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà Phạm Thị S 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Trịnh Thị T phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại bà Phạm Thị S 1.250.000 đồng tạm ứng án phí bà S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002454 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 20/6/2025 bị đơn bà Trịnh Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, bị đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà T đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử theo đúng thẩm quyền với các yêu cầu cụ thể: Bà T cho rằng việc bà S khởi kiện buộc bà phải trả 50.000.000 đồng là không có căn cứ vì trên thực tế bà Phạm Thy N là người vay và trả lãi cho bà S, bà chỉ là người làm chứng trong cuộc giao dịch giữa bà S và bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và HĐXX, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2025/DSST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Hưng Yên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị T làm trong hạn luật định là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người làm chứng bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà N đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử thấy:

Bà S đã giao nộp tại cấp sơ thẩm 01 tờ giấy ghi nội dung, ngày 09/11/2017 âm lịch, bà T vay của bà S 50.000.000 đồng, không ghi lãi suất. Bà T cũng đã thừa nhận chữ ký trong mục “người vay ký” đúng là chữ ký do bà T trực tiếp

ký, bên cạnh đó bà cũng không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà trong tờ giấy vay nợ. Việc bà T trình bày rằng thời điểm đó bà chỉ ký không vào sổ mà không ghi nội dung gì bởi bà S bảo bà ký để làm chứng việc bà N vay 50.000.000 đồng của bà S và toàn bộ nội dung trên đó do bà S viết vào sau khi bà T đã ký là không có căn cứ.

Việc bà T và bà N khai rằng ngày 09/11/2017 âm lịch bà S cho bà N vay 50.000.000 đồng, tiền lãi 4.500.000 đồng nhưng cả bà T và bà N đều không đưa ra được chứng cứ cụ thể để chứng minh lời khai của mình.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu khác có thể làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 308 để không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Hưng Yên).

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số ngày/....../2025 của Cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 05/9/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- TA, THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thế Tương